

Biểu số 006.N/BCB-TP
Ban hành kèm theo Nghị định
số 139/2026/NĐ-CP ngày
07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp
sau năm báo cáo

**KẾT QUẢ THI HÀNH
ÁN HÀNH CHÍNH**
Năm

Đơn vị báo cáo:
Bộ Tư pháp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

Đơn vị tính: Bản án, quyết định

	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính			Số bản án, quyết định bị hủy thi hành án theo quy định của pháp luật	Số bản án, quyết định bị hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật	Kết quả thi hành án	
	Tổng số	Chia ra				Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong	Số đang thi hành án
		Số năm trước chuyển sang	Số phát sinh mới trong kỳ báo cáo				
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số							
1. Ở Trung ương							
- Bộ ...							
- Bộ ...							
- ...							
2. Chia theo tỉnh/thành phố							
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành							

chính Việt Nam)							
--------------------	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 006.N/BCB-TP: Kết quả thi hành án hành chính

1. Khái niệm, phương pháp tính

Kết quả thi hành án hành chính phản ánh kết quả công việc của các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó trong việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật.

- Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính (Cột 1): Được thống kê trong chỉ tiêu này là bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện và các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong vụ án hành chính.
- Số năm trước chuyển sang (Cột 2): Là số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đang trong quá trình tiến hành các nhiệm vụ, công vụ theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước liền kề chuyển sang năm báo cáo tiếp tục tổ chức thi hành.
- Số phát sinh mới trong kỳ báo cáo (Cột 3): Là số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính có nội dung thi hành phát sinh trong kỳ báo cáo đã được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và tổ chức thi hành.
- Số bản án, quyết định bị hủy thi hành án theo quy định của pháp luật (Cột 4): Hủy bản án, quyết định của Tòa án là việc Tòa án có thẩm quyền ra quyết định bằng văn bản nhằm chấm dứt hiệu lực thi hành đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành của Tòa án cấp dưới khi phát hiện bản án, quyết định đó có sai sót.
- Số bản án, quyết định bị hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật (Cột 5): Hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành bản án hành chính chưa tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án khi có căn cứ hoãn, tạm đình chỉ theo quy định của pháp luật.
- Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong (Cột 6): Được thống kê trong chỉ tiêu này là số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã được các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó thực hiện xong nhiệm vụ, công vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án.

- Số đang thi hành (Cột 7): Là số bản án, quyết định đang được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước tiến hành các nhiệm vụ, công vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án tuyên nhưng chưa kết thúc, chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện.

- Kỳ báo cáo thống kê: Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Cột 2: Ghi số bản bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính năm trước chuyển sang theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Cột 3: Ghi số bản bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính phát sinh mới trong kỳ báo cáo theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Cột 4: Ghi tổng số bản bản án, quyết định bị hủy thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Cột 5: Ghi tổng số bản bản án, quyết định bị hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Cột 6: Ghi số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Cột 7: Ghi số bản án, quyết định đang thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp.